

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX - 34 Láng Hạ - quận Đống Đa - Hà Nội

Tel: (04) 62849234 - Fax (04) 62849208 - Website: www.vinaconex.com.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Quý IV năm 2009****A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	11,933,142,030,592	13,753,975,044,962
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1,400,500,515,470	2,297,206,600,294
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	359,419,254,001	381,744,017,467
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	4,283,956,937,103	4,982,361,290,040
4	Hàng tồn kho	5,106,776,651,450	5,322,450,149,337
5	Tài sản ngắn hạn khác	782,488,672,568	770,212,987,824
II	Tài sản dài hạn	12,945,182,630,270	13,657,744,768,591
1	Các khoản phải thu dài hạn	48,795,793,578	2,049,129,318
2	Tài sản cố định	10,477,261,802,481	11,105,250,283,048
	- Tài sản cố định hữu hình	8,690,889,045,168	9,243,261,466,971
	- Tài sản cố định thuê tài chính	87,368,258,269	83,771,638,894
	- Tài sản cố định vô hình	96,163,754,042	103,613,549,995
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,602,840,745,001	1,674,603,627,188
3	Bất động sản đầu tư	181,260,915,058	293,213,964,035
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1,614,342,749,333	1,825,330,885,750
5	Tài sản dài hạn khác	623,521,369,820	431,900,506,440
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	24,878,324,660,861	27,411,719,813,553
IV	Nợ phải trả	20,603,390,875,503	22,374,527,108,455
1	Nợ ngắn hạn	11,669,830,600,139	13,809,103,638,392
2	Nợ dài hạn	8,933,560,275,364	8,565,423,470,063
V	Vốn chủ sở hữu	2,961,168,150,526	3,404,313,659,463
1	Vốn chủ sở hữu	2,584,771,531,677	2,800,275,523,953
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,850,803,870,000	1,850,803,870,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	350,952,370,000	350,952,370,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	1,740,031,157	4,643,626,410
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	326,948,885

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
	- Quỹ đầu tư phát triển	276,666,522,727	276,476,675,452
	- Quỹ dự phòng tài chính	64,984,233,996	65,971,283,044
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1,809,675,888	1,914,186,142
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37,814,827,908	249,186,564,020
	- Nguồn vốn xây dựng cơ bản	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	376,396,618,849	604,038,135,510
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	39,131,159,874	27,628,621,201
	- Nguồn kinh phí	337,265,458,975	576,409,514,309
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	Lợi ích cổ đông thiểu số	1,313,765,634,832	1,632,879,045,635
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	24,878,324,660,861	27,411,719,813,553

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,410,342,807,466	13,149,073,658,324
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	12,210,022,843	29,994,450,688
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,398,132,784,623	13,119,079,207,636
4	Giá vốn hàng bán	4,661,863,461,754	11,400,143,145,315
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	736,269,322,869	1,718,936,062,321
6	Doanh thu hoạt động tài chính	63,954,296,407	345,301,604,965
7	Chi phí tài chính	251,819,876,077	638,908,340,541
8	Chi phí bán hàng	127,831,766,012	361,879,079,879
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	219,286,342,535	573,098,370,323
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	201,285,634,652	490,351,876,543
11	Thu nhập khác	10,117,009,734	103,936,202,317
12	Chi phí khác	(124,716,164,840)	13,395,914,711
13	Lợi nhuận khác	134,833,174,574	90,540,287,606
14	Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	22,001,874,300	39,971,247,775
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	358,120,683,526	620,863,411,924
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	114,405,232,369	232,068,504,937
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(71,661,023,366)	(71,661,023,366)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	315,376,474,523	460,455,930,353
19	Thu nhập/(lỗ) thuộc các cổ đông thiểu số	119,933,960,139	191,342,515,766
20	Thu nhập/(lỗ) sau thuế của Tổng Công ty	195,442,514,384	269,113,414,587
21	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1,056	1,454

C-CHỈ SỐ TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG*Đơn vị tính: đồng*

	<i>Đơn vị tính</i>	<i>31/12/2009</i>	<i>30/09/2009</i>
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	50.18	47.97
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	49.82	52.03
<i>Cơ cấu vốn</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	81.62	82.82
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12.42	11.90
- Lợi ích cổ đông thiểu số/Tổng nguồn vốn	%	5.96	5.28
<i>Khả năng thanh toán</i>			
- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	0.61	0.58
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.00	1.02
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.17	0.12
<i>Tỷ suất sinh lời</i>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	4.73	6.63
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	3.51	5.84
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2.26	1.44
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1.68	1.27
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	9.61	7.56

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2010

Người lập bảng**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Vũ Anh Hiệp**